

053

**PHẦN GIẢN-DỊ TRONG
PHẬT-GIÁO.**



KASSAPA THERA

Kỷ niệm Đệ Nhất Chu Niên
Ngày khánh thành
« THÍCH CA PHẬT ĐÀI »

KASSAPA THERA

PHẦN GIẢI DỊ TRONG PHẬT GIÁO
(BUDDHIST PUBLICATION SOCIETY)

Dịch giả: PHẠM KIM KHÁNH

KỶ VIÊN TỰ
601, Phan Đình Phùng
SÀI GÒN

PHẬT LỊCH: 2507

D.L1964

Trên 2.500 năm về trước, tại Bồ Đề Đạo Tràng (Buddhagaya), dưới cội cây bồ đề, ngay lúc Thái tử Sĩ – Đạt – Ta (Siddhata) về vang chiến thắng mọi chướng ngại để hoan toàn thành tựu đạo quả Phật tổ và trở nên bậc Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài nghĩ rằng giáo Pháp của Ngài thật vi diệu và con đường của Ngài đã trải qua thật là gian lao, chúng sanh ắt khó mà noi theo gương lành của Ngài.

Tại chùa của vị Sa môn Rammaka, một hôm, Đức Phật dạy: *“Này chư Tỳ khuru, lúc ấy Như Lai nghĩ như thế này: Giáo lý mà Như Lai đã tìm ra thật là cao siêu, khó lãnh hội, khó giải thích, Giáo lý ấy quả thật hy hữu, quý báu, không thể dùng lý trí suông mà thấu triệt và chỉ có bậc thiện trí thức mới có thể hiểu biết thấu đáo thôi.”*

“Nhân loại đang bị trói buộc, dính mắc và vẫn vương trong tham dục. Con người khó mà hiểu được luật nhân quả tương quan, khó mà nhận thức được rằng mọi sự thật đều phát sanh do nguyên nhân, mọi hiện tượng đều là quả, liên kết với nhân nào đã tạo ra trong quá khứ. Nhân loại khó am hiểu tận tường những yếu tố cấu thành chúng sanh, khó chấm dứt lòng tham dục, phiền não, khó có thể từ khước, buông bỏ tất cả để thành Đạo Quả Niết Bàn. Giờ đây, nếu Như Lai truyền bá Giáo Pháp mà Như Lai đã tìm ra cho những chúng sanh không thể lãnh hội thì sẽ không lợi ích gì.”

Nhưng nhìn lại thế gian với tuệ nhãn của một vị Phật, Đức Thế Tôn trông thấy: *“Như trong đầm sen, có những loại sen trắng, sen xanh, sen hồng lẫn lộn. Có những nõ sen vừa chớm nở ra khỏi bùn, mọc lên*

trong nước; có những cây vừa lém đém qua mặt nước và cũng có những búp sen đã vượt hẳn lên cao, không còn vướng chút bùn nhơ nước đục. Chúng sanh trong thế gian cũng dường thế ấy dưới tầm mắt của bậc Chánh Biến Tri. Như Lai thấy chúng sanh đủ hạng, hạng đầy bợn nhơ và hạng tương đối trong sạch, hạng thông minh sáng suốt và hạng tối tăm mù mịt, hạng tốt và hạng xấu, hạng thiện trí thức và hạng cuồng si. Như Lai cũng thấy hạng chúng sanh đang gieo mầm giống xấu xa tội lỗi và hạng chúng sanh đang gặt hái quả dữ của những nhân đã gieo trong quá khứ.”

Vì lẽ ấy Đức Phật quyết định truyền bá Pháp mầu. Ngài tuyên bố:

“Từ đây cánh cửa của Vô Sanh Bất Diệt (tức Niết Bàn) đã rộng mở cho tất cả những ai có tai muốn nghe. Hãy để cho hạng người này đặt niềm tin tưởng.”

Hàng Phật tử chúng ta ngày nay thường ước mong được tái sanh làm người trong kiếp cuối cùng của Đức Phật Di Lạc, vị Phật tương lai. Trước kia cũng đã có một số đông người đã phát nguyện được tái sanh làm người trong kiếp cuối cùng của Đức Phật Gotama (Cồ Đàm). Đó là những búp sen đã vượt lên khỏi mặt nước đục và bùn nhơ, là những búp sen trong trắng chỉ chờ những tia ánh sáng bình minh để nở tung một cách huy hoàng rực rỡ. Đó là hạng người đã có đức tin, hạng người có tai muốn lắng nghe lời dạy của “Thầy”. Những vị ấy đã bước qua khỏi ngưỡng cửa của Vô Sanh Bất Diệt.

Nhưng còn phần đông nhân loại thì sao? Phần đông còn lại là những búp hoa chưa sẵn sàng để nở trong ngày mai khi mặt trời ló dạng. Họ là những ngó sen hoặc còn ở sâu dưới bùn non của vòng luân hồi, hoặc chưa lên khỏi mặt nước hoặc lém đém ngang mặt nước, nhưng tất cả đều mang theo bên trong mình một tiềm năng để trở thành những đóa sen rực rỡ. Chính vì hạng người này mà chư vị A la hán sau khi Đức Phật nhập diệt, đã tổ chức một cuộc kết tập lần thứ nhất để nhắn nhủ ôn lại từ đầu đến cuối “Giáo lý của Thầy” mà về sau chép thành ba Tạng, Tipitaka (Tam Tạng Kinh), còn được gìn giữ nguyên vẹn và lưu truyền đến ngày nay như một bảo vật vô giá.

Có lẽ ngày hôm nay chúng ta chưa đạt được Đạo Quả mà chư vị A la hán đã thành đạt trong thời Đức Phật và trong mấy trăm năm sau đó; nhưng trong Giáo Pháp bao la, di sản quý báu nhất mà chúng sanh có thể thọ hưởng, có rất nhiều bài thơ, câu kệ, nhiều sự tích, nhiều Phật ngôn khuyên dạy và rất nhiều những lời vàng ngọc, nhiều câu nhắn nhủ giản dị gửi đến những ai sẵn sàng mở rộng tâm lòng để tiếp nhận, đón rước Chân Lý.

Trải qua ngót 2.500 năm sau khi Pháp Xa lần đầu tiên được luân chuyển, Giáo Pháp ấy vẫn còn đem lại hạnh phúc trong cuộc sống của một phần ba nhân loại.

Đó là phần giản dị nhất trong Phật Giáo. Giáo lý ấy là những định luật trường cửu, trường tồn bất biến. Dầu có Đức Phật hay không, dầu Đức Phật có thị hiện trên thế gian và truyền dạy cho ta hay không, những định luật ấy vẫn hiện hữu và mãi mãi tồn tại, không biến đổi, không di dịch. Giáo lý ấy khó lãnh hội thật, nhưng không phải quá cao siêu, trên

tâm hiểu biết của bậc thiện trí mà hàng Phật tử chúng ta cố gắng bước theo dấu chân.

“Những bộ chân cường tráng dừng mãi tiến bước trên con đường gay go cam khổ, giữa đám giông to bão lớn và trải qua bao nguy hiểm gian lao để lần hồi trèo lên đỉnh núi.

Người yếu sức nghiêng ngã bên này, bên kia theo chiều gió, vẫn còn quanh quẩn dưới chân đồi và vì quá mỏi mệt, dừng bước lại nhiều lần để nghỉ.

Con đường Tám Chi (Bát Chánh Đạo) dẫn đến nơi an vui, hạnh phúc cũng dường thế ấy. Người mạnh, kẻ yếu, người cao thượng, kẻ thấp hèn, chúng ta cùng nỗ lực lần hồi tiến bước trên con đường ấy. Có những bản tính cương quyết không ngại bão bùng, giông gió. Cũng có những tâm hồn ương yếu, mỗi mệt, dừng bước nghỉ chân bên đường.

Tất cả chúng ta đều có đủ tiềm năng vượt qua cơn giông tố để rồi một ngày tươi đẹp kia bước chân lên tận đỉnh núi cao, nơi tuyết phủ trắng trong, rực rỡ chói lọi trong ánh sáng mặt trời.”

Trong Kinh sách có nhiều đoạn dạy chúng ta những đức hạnh cần thiết để sống đời sống trong sạch. Sau đây là một câu chuyện xảy ra trong thời Đức Phật còn tại tiền. Chuyện này đã được ghi chép trong bộ Anguttara Nikāya (Tăng Nhứt A Hàm), như một bài thơ tuyệt mỹ, nói lên niềm vui tươi êm đẹp của đời sống gia đình.

Thờ ầy Đức Phật ngự tại Lộc Uyển, gần Sumsumāragira. Ngày kia Ngài đến nhà của đôi vợ chồng thường được gọi là “cha mẹ của Nakula”. Khi Đức Phật đến cả hai ông bà, cha và mẹ Nakula, kính cẩn khấu đầu đánh lễ dưới chân Ngài. Lễ xong, Nakulapitā (cha của Nakula) quỳ xuống bạch với Đức Phật, *”Bạch Hóa Đức Thế Tôn, từ lúc*

Nakulamātā vợ con, là một thiếu nữ được đem về ở với con, là một thanh niên, cho đến nay, vợ con không hề có một tư tưởng hay một hành động nào có thể làm phiền lòng con. Bạch Hóa Đức Thế Tôn, con ước mong sao chúng con được cùng nhau cộng hưởng phước báu ấy đến trọn đời và, sau kiếp sống này, chúng con vẫn còn cùng nhau cộng hưởng phước báu ấy.”

Nakulamātā (mẹ của Nakula) cũng quỳ xuống bạch với Đức Phật như sau, “*Bạch Hóa Đức Thế Tôn, từ khi con còn là một thiếu nữ được đem về ở với chồng con, Nakulapitā, là một thanh niên, không hề khi nào chồng con có một tư tưởng hay một hành động nào có thể làm phiền lòng con. Bạch Hóa Đức Thế Tôn, con ước mong sao chúng con được cùng nhau cộng hưởng phước báu ấy đến trọn đời và, sau kiếp sống này, chúng con vẫn còn cùng nhau cộng hưởng phước báu ấy.*”

Nghe qua Đức Phật dạy:

"Nếu trong gia đình cả chồng lẫn vợ đều ước mong được cùng nhau chung hưởng phước báu trong kiếp hiện tại và trong những kiếp sống vị lai, thì cả hai phải có cùng một đức tin bằng nhau(Saddhā là niềm tin tưởng nơi Tam Bảo), cùng sống đời đạo hạnh (nghiêm túc hành trì giới luật) như nhau, cùng mở tâm khoan hồng quảng đại bằng nhau và cùng trau dồi trí tuệ bằng nhau. Được như thế ấy thì chắc chắn cả hai vợ chồng sẽ được cùng nhau cộng hưởng phước báu, trong kiếp hiện tại và trong những kiếp vị lai."

Một lời dạy thật là giản dị, thật rõ ràng, thật dễ cho chúng ta lãnh hội : Hãy cùng gieo một thứ giống, chúng ta sẽ cùng nhau gặt hái một thứ quả. Nếu chúng ta gieo giống cao thượng ắt chúng ta sẽ gặt được quả cao thượng.

Ngày nào phẩm chất của nhân loại còn là phẩm chất của con người hiện đại thì nam nữ còn kết hôn với nhau, và cuộc sống gia đình, giữa vợ và chồng, là sự kết hợp mật thiết giữa hai cá nhân. Trong biển trầm luân của đời sống không có hình thức kết hợp nào giữa hai cá nhân mà tạo điều kiện cho người này giúp đỡ người kia tiến bộ dễ dàng như hai vợ chồng, mà cũng không có hình thức kết hợp nào giữa hai cá nhân mà tạo điều kiện cho người này dễ dàng tạo trở ngại cho sự tiến bộ của người kia như hai vợ chồng.

Thật vậy, trong gia đình, vợ và chồng là hai người bạn tốt, sẵn sàng giúp đỡ lẫn nhau và dẫn dắt nhau trên đường đạo hạnh. Một ngày kia Đại đức Ānanda (Anan) bạch với Đức Phật rằng hai bạn hữu sống với nhau như vậy có phải chăng là phân nửa đời sống xuất gia rồi. Đức Phật dạy, “Này Ānanda, cũng chưa phải. Đó là tất cả đời sống xuất gia”.

Lẽ dĩ nhiên, Đức Phật là người bạn lành, hơn tất cả những người bạn lành của chúng sanh. Sau Ngài là các môn đệ của Ngài. Nhưng trong sự kết hợp tốt đẹp của đôi vợ chồng, trong cuộc hôn nhân lý tưởng mà mọi người mong mỏi, mỗi người tâm thường như chúng ta đều có thể hình dung một cặp vợ chồng hạnh phúc, đôi bạn lành, luôn luôn sẵn sàng hỗ trợ lẫn nhau để cùng nhau tiến bộ, không những trong kiếp sống này, mà từ kiếp này sang kiếp khác, luôn luôn, mãi mãi, cho đến ngày cuối cùng, khi người này nâng đỡ người kia thành đạt mục tiêu tối thượng, thoát ra khỏi vòng phiền não luân hồi.

Kinh sách Phật giáo có ghi nhiều đoạn dài có, ngắn có, khuyên dạy hàng cư sĩ. Trong những bài Kinh ấy, Sigālovāda Suttanta rất quan trọng, dạy chúng ta về cuộc sống trong sạch của người cư sĩ. Tất cả những bài Pháp ấy đều tốt đẹp và hữu ích. Nhưng những lời Đức Phật dạy "cha mẹ Nakula" thật là giản dị, thật là vắn tắt. Đức Phật khuyên

hai vợ chồng nên cố gắng trau dồi bốn Pháp : Saddhā (niềm tin nơi Tam Bảo), Silā (giới hạnh), Cāga (lòng quảng đại) và Paññā (trí tuệ).

SADDHĀ

Saddhā là một Phạm ngữ rất khó phiên dịch qua một từ ngữ khác. Danh từ "Đức tin" mà ta thường dùng không bộc lộ hết ý nghĩa của chữ "Saddhā". Vậy nơi đây chúng ta hãy giữ nguyên vẹn danh từ Saddhā.

Saddhā là gì?

Một em bé đứng thành kính đánh lễ đức Phật xuyên qua những thánh tích như Xá lợi Phật, như cây Bồ Đề mà xưa kia đã đỡ nắng, che mưa cho Ngài, như những tượng đá, tượng đất, tượng giấy, mà người nghệ sĩ tận lực đem hết tâm trí hình dung đức Phật theo sự tưởng tượng của mình. Đó là hình thức giản dị nhất của Saddhā. Niềm tin tưởng mà em bé trọn vẹn đặt nơi Tam Bảo là tất cả sự tín nhiệm mà cha mẹ đã tạo nên trong tâm em. Sự tín nhiệm ấy sẽ dẫn dắt em trải qua quãng đường dài của đời sống một cách châu toàn. Sự tín nhiệm ấy cũng tương tự như "Đức tin" mà người đời đặt vào những việc như sao Bắc đẩu, như thuyết điện tử, hay thuyết quantum, chắc chắn người ấy không có cơ hội để chứng nghiệm thuyết quantum, hay những thuyết điện tử v.v..

Saddhā của người Phật tử đứng tuổi có phần tế nhị và cao thượng hơn. Saddhā là đặc tính chính yếu của người Phật tử trong sự thờ phụng cúng dường đức Phật. Trong những xứ Phật giáo, đến ngày lễ Phật Đản người Phật tử hết lòng thành kính đi từ chùa này đến chùa khác để chiêm bái đức Thế Tôn, khách phương xa đến viếng chùa Lanka trong dịp lễ Phật Đản chắc không khỏi ngạc nhiên tự hỏi "Phật giáo đã phủ nhận một thần linh tạo hóa dựng lên muôn loài vật; đức Phật đã dạy phải luôn luôn bình tĩnh dùng lý trí suy đoán và quan sát tận tường mọi việc. Tại sao người Phật tử cũng đến chùa tôn sùng kính bái những pho tượng như người thờ thần linh?"

Vậy lòng tôn kính sùng bái kim thân đức Phật có ý nghĩa gì? Sự tôn sùng ấy chắc chắn phát sanh do Saddhā?

Chúng ta có thể phân tích Saddhā của người Phật tử không? - Có.

Và cái động lực hùng mạnh nhất trong Saddhā là sự kính mến thiết tha lẫn lộn với lòng tri ân ấy làm cho Saddhā cao thượng thanh khiết, không chút vụ lợi, không mảy may vị kỷ. Khi quỳ lạy kính bái đức Thế Tôn, người Phật tử không cầu mong gì ở Ngài, vì họ biết chắc chắn rằng đức Phật đã siêu thế thì không còn trực tiếp giúp đỡ ai trong vũ trụ này nữa.

Người Phật tử cũng không lễ bái cúng dường đức Thế Tôn vì sợ sệt như người ta sợ sệt thần linh, cũng không khẩn vái cầu xin điều chi. Chỉ có sự kính mến, kính mến tri ân, kính mến nhiệt thành, không vụ lợi, không vị kỷ.

Kính mến là yếu tố quan trọng của Saddhā. Một đặc tính chính yếu khác của Saddhā là tín nhiệm. Sự tin tưởng mỗi ngày mỗi tăng trưởng thêm lên khi người Phật tử mỗi ngày mỗi tiến bộ thêm trong pháp học, pháp hành, và trong sự thành tựu đạo quả. Trong mỗi bước tiến thì Saddhā tăng trưởng, mãi cho đến khi đắc quả A-La-Hán

Sự kính mến và niềm tin tưởng nơi Tam Bảo là hai yếu tố cấu thành Saddhā. Cả hai đều cao quý và đáng trau dồi.

Saddhā trong Phật giáo hay niềm tin tưởng nơi Phật, nơi Pháp, nơi Tăng là một năng lực hùng mạnh. Saddhā là tia lửa nhỏ mà nếu ta biết thận trọng giữ gìn, một ngày kia sẽ trở thành một thứ lửa có thể thiêu đốt tất cả những gì như bản trong tâm, tất cả phiền não. Saddhā là tín nhiệm ta đặt nơi một con người, và nơi giáo pháp của người ấy, không phải

nơi một thân linh. Ta tin nhiệm một người, bằng thịt bằng xương như chúng ta nhưng là một người có tâm từ vô lượng, tâm từ bi bao la, bao trùm tất cả những chúng sanh đau khổ. Lòng từ bi ấy thúc đẩy Ngài luôn luôn tiến bước trên đường phục vụ, hy sinh tất cả những gì mà chúng ta cố giữ, cố bám, hy sinh đến cả thân mạng. Tu kiếp này đến kiếp khác, trong vô số châu kỳ, mỗi ngày mỗi hoàn toàn hơn, cho đến một ngày kia, dưới cội Bồ Đề tại Uruvela, với một ý chí sắt đá Ngài cương quyết chiến đấu tới cùng:

"Dầu máu có cạn dần, thịt có mòn dần và tan rã, dầu chỉ còn xương bọc da, ta sẽ không rời bỏ chỗ ngồi này trước khi thành công"

Ngài đã chiến thắng. Ánh sáng chân lý đã bật soi cho Ngài những bí ẩn của đời sống. Cuộc chiến thắng vẻ vang này đã biến thái tử Sĩ Đạt Ta (Siddhatha) ra một vị Phật, đức Phật Cồ Đàm (Gotama), đức Chánh biến tri, đức Thế Tôn, Toàn Năng, Vô Thượng.

Đức Phật dạy: *"Này các Tỳ Khuru, chính Như Lai cũng đã chịu cảnh sanh, lão, bệnh, tử, phiền não và bợn nhơ. Nhưng Như Lai đã sớm nhận thấy đặc tính vô thường của vạn pháp, tất cả đều phải chung chịu cảnh sanh, lão, bệnh, tử, phiền não và bợn nhơ. Vì nhận thấy như vậy Như Lai đi tìm cảnh tuyệt đối an toàn của Niết Bàn, trạng thái vô sanh bất diệt, không bệnh, không lão, không phiền não, không bợn nhơ. Và Như Lai đã thành tựu đạo quả Niết bàn, không sanh, không tử, không lão, không bệnh, không phiền não, không bợn nhơ. Như Lai đã thấy và đã chứng nghiệm, Như Lai đã hoàn toàn giải thoát. Đây là kiếp sống cuối cùng của Như Lai và khi nhập diệt rồi Như Lai không còn trở lại nữa".*

Trong bốn mươi lăm năm trường sau khi thành đạo, với lòng từ bi vô hạn, không hề biết mệt, luôn luôn nhẫn nại,

Ngài châu du truyền bá đạo màu cho những ai có tai muốn nghe, những ai đặt niềm tin tưởng nơi Ngài, và nơi Giáo Pháp của Ngài.

Lời di huấn tối hậu của Ngài là:

"Hỡi này các Tỳ khuru! Như Lai thiết tha nhắc nhở các con rằng vạn pháp là vô thường. Các con hãy cố gắng tu tập, cố gắng tinh tấn mãi mãi, cho đến ngày thành công".

Đức Phật là tinh hoa của Nhân loại. Chúng ta là những người tình nguyện bước theo dấu chân Ngài. Trước kim thân Ngài chúng ta kính cẩn khấu đầu đánh lễ. Đó là hình thức tôn sùng cửa người Phật tử. Đó chắc chắn không phải là "Đức tin", như đức tin mù quáng mà người đời thường hiểu, cũng không phải là một đức tin không căn cứ trên sự suy luận, trên thực tế của đời sống. Saddhā trái lại là tình thương, và tín nhiệm, là sự tôn sùng thành kính, phát sinh từ thâm tâm xuyên qua trí thức, khi ta hiểu biết được phần nào giá trị của sự tự chế ngự, tự kiểm soát, của sự hy sinh cao cả, khi ta thoáng thấy được phần nào tâm từ mà đức Phật rải đến cho tất cả chúng sanh và khi ta nhận thức được chân giá trị của phần di sản quý báu mà đức Phật để lại cho ta, một bảo vật vô giá, Giáo Pháp của Ngài.

Do đó chúng ta góp nhặt bông hoa đủ màu sắc, đủ vị hương, nền hương đủ loại, rồi đến quỳ dưới chân Ngài, và cố để hết tâm trí vào câu kinh ta đọc: "Namo Tassa Bhagavato Arahato Samma Sambuddhassa"(Tôi hướng tâm - Tassa, đánh lễ - Namo, Đức Bhagava - Đấng siêu xuất khỏi tam giới, Đức Araham - Đấng Trọn Lành, Đấng Tự Giác Viên Minh - Samma Sambuddho) hay: "Tôi hướng tâm đánh lễ Đức Thế Tôn, Đức ứng Cúng, Đức Chánh Biến Tri".

Ngày nào còn bị cái "Ta"ngự trị trong tâm, ta khó nổi kính bái một người nào, đầu người ấy là một nhân vật vĩ đại

nhất trên thế gian này và trong các cõi Trời. Ngày nào còn thấy cái "Ta" lớn lao, quan trọng, thì dầu có ai kia đã hy sinh trọn đời sống mình, tất cả bao nhiêu kiếp sống của mình, để giúp ta tìm ra cảnh giới tuyệt đối an toàn, chúng ta vẫn coi thường. Nhưng chúng ta được hiểu biết rằng tham dục là nguồn gốc của phiền não phát sanh từ ý niệm "Ta" và "của Ta", chúng ta cũng được hiểu biết rằng từ khước tất cả là khó đường nào, thì chúng ta đã bắt đầu ý niệm được phần nào giá trị của đức Phật. Khi đã nhận được bao nhiêu công phu sưu tầm tu tập để tìm ra một Giáo Pháp vĩnh viễn trường tồn của một bậc vĩ nhân đệ nhất hoàn toàn trên thế gian, ta sẽ lấy làm hổ thẹn nhìn lại bao nhiêu cố gắng của ta mà ta tưởng là quan trọng.

Ta đã đứng trong vị trí thực tế của ta đối với tấm gương đức hạnh cao cả, lòng vị tha, và đạo quả mà đức Phật đã thành đạt. Lòng kính mộ và cảm mến bắt đầu tràn ngập tâm ta. Và một cách hồn nhiên, tự đáy lòng, phát sinh ra những ý tưởng sùng kính tất cả chư Phật trong tam thế, rồi vui thích bái niệm:

"Con hết lòng sùng kính chư Phật trong quá khứ.

Con hết lòng sùng kính chư Phật trong vị lai.

Con hết lòng sùng kính đức Phật hiện tại."

(Ye ca buddha atita ca, ye ca buddha anagata, paccuppanna ca ye buddha, aham vandani sabbada)

Hay: "chư Phật đã thành Chánh Giác trong kiếp quá khứ, chư Phật sẽ thành Chánh Giác trong kiếp vị lai, chư Phật đang thành Chánh Giác trong kiếp hiện tại này, con đem hết lòng thành kính mà làm lễ chư Phật trong Tam Thế ấy".

Đó là Saddhā. Một sự tôn kính, một tình thương và một niềm tin tưởng. Không có Saddhā, ta sẽ không có nhiệt

tâm, nhiệt lực và tinh thần, ba yếu tố cần thiết để thành tựu mục tiêu. Cái "Ta" dần dần rời bỏ ta và Ánh Sáng Chân Lý dần dần đến với ta. "Khi một vị Bồ Tát đắc quả Phật, ánh sáng rực rỡ và vẻ vang của Ngài phá tan sự tối tăm mù mịt đang tràn ngập biển luân của đời sống, và vạch ra 'con đường' cho mỗi người mạnh tiến đến trạng thái an vui hạnh phúc".

Khi đã thâu triệt Giáo Pháp của đức Phật, tức nhiên ta có thể lái con thuyền của ta ngay đường thẳng lối sang bên kia bờ. Nhưng nguyên động lực thúc đẩy chiếc thuyền là phát sanh từ Saddhā. Như vậy không phải chỉ trẻ con mới cần phải quỳ lạy trước kim thân đức Thế Tôn để dâng lên Ngài những bó hoa hay những nén hương, mà tất cả chúng ta đều phải cúng dường đức Phật, bởi vì chỉ năng lực tinh thần mới có thể giúp ta, bởi vì chúng ta chưa diệt được ngã chấp, và Saddhā là món tiên được để tiêu trừ những chất độc của cái "Ta".

Chúng ta cũng phải tỏ lòng thành kính... mặc dù chúng ta không thành kính tôn sùng một nhân vật, vì đúng ra nhân vật nào cũng chỉ là sự kết hợp của những hiện tượng luôn luôn biến đổi... chúng ta chỉ hướng lòng thành kính đến một lý tưởng. Khi thành kính chiêm bái, ta tìm thấy nơi kim thân đức Phật một nguồn sinh lực dồi dào, ta xây dựng trong tâm một nơi tôn thờ trang nghiêm, ta cố dọn lòng trong sạch để xứng đáng đó rước hình ảnh của Ngài và tôn trí hình ảnh ấy vào đền thờ nội tâm đầy sự kính mến, tiềm tàng trong lòng ta.

Trước bàn thờ ấy, hàng ngày chúng ta dâng lên đức Thế Tôn những lễ vật... không phải những ngọn nến phải tiêu mòn, hay những đóa hoa phải tàn héo, mà là những hành động từ ái, những thái độ hy sinh cao cả, những công trình

phục vụ hoàn toàn vị tha. Đó là lễ vật mà người Phật Tử hằng ngày phải dâng đến đức Phật.

Chúng ta hãy cố gắng để xứng đáng là người đi theo dấu chân đức Phật, không phải vì danh nghĩa suông. Chúng ta phải chứng minh bằng tâm lòng và nếp sống hàng ngày rằng lý tưởng của chúng ta vẫn còn hiệu lực để kêu gọi và dẫn dắt ta.

Năng lực của niềm tin tưởng (Saddhā) tinh khiết nơi Tam Bảo, chắc chắn sẽ đem ta đến mục tiêu đức Phật đã chứng tỏ điều ấy. Trong một thời Pháp thuyết giảng tại Kỳ Viên Tịnh Xá (Jetavana) xứ Xá Vệ, trước các Tỳ khuru, đức Phật dạy:

"Này chư Tỳ khuru, trong Giáo Pháp mà Như Lai đã truyền dạy, dẫn giải và chỉ rõ, các con đã am hiểu tận tường, không còn điều chi mập mờ, vị Tỳ khuru nào thực hành đúng theo Giáo Pháp ấy với một niềm tin (Saddhā) vững chắc, vị ấy sẽ trở thành bậc Toàn Giác..."

Và đức Phật dạy tiếp theo:

"Này chư Tỳ khuru, trong Giáo Pháp mà Như Lai đã truyền dạy, dẫn giải và chỉ rõ, các con đã am hiểu tận tường, không còn điều chi mập mờ, vị Tỳ khuru nào chỉ tưởng nhớ đến Như Lai với niềm tin tưởng và lòng thành kính, vị ấy sẽ tái sanh vào cõi trời".

SĪLA

Giới (Sīla) là điều dạy thứ nhì.

Trong tất cả giáo pháp của Đức Phật không hề có câu: “Phải làm như thế này” hay “phải tránh những điều kia”. Khi nhận thức rằng tính vị kỉ và sự dễ dãi là nguyên do của tất cả những điều bất hạnh trong đời, bậc thiện trí thức tự nhiên cố gắng chế ngự lấy mình. Giới (Sīla) là sự kiềm chế lời nói và hành động. Do ý chí hoàn toàn tự do của mình, người Phật tử nguyện giữ gìn điều dạy này hay điều kia. Một Phật tử chân chánh phải giữ ít lắm là năm giới: “Tôi xin vâng giữ điều dạy là cố ý tránh xa sự sát sanh, sự trộm cắp, sự tà dâm, sự nói dối và sự dễ dãi dùng những chất say có hại đến sự sáng suốt và cản trở tâm an trụ”.

Trong những ngày lễ Phật giáo, người Phật tử tinh tấn nguyện giữ tròn tám giới (Bát quan trai).

Tất cả những điều dạy ấy – từ năm giới căn bản dành cho hàng cư sĩ đến một số nhiều giới cho hàng xuất gia – đều nhằm vào một mục đích là sửa đổi lời nói và hành động cho trong sạch để tự chế ngự, tự kiểm soát lấy mình.

Những người không phải là Phật tử thường nhận định giới (sīla) trong Phật giáo là tiêu cực và như vậy là chưa hoàn bị. Nhận định như vậy là sai lầm. Lầm vì không am tường lý tưởng của người Phật tử mà cũng lầm vì khuynh hướng ích kỉ cố hữu của con người muốn xen vào xử đoán người khác. Đứng về phương diện quốc tế cũng vậy. Những quốc gia giàu mạnh cũng thường lo gánh vác công việc của những quốc gia yếu kém – với một vài lợi ích đáng kể. Lý tưởng về một đời sống trong sạch và những tư tưởng cao thượng dần dần trở thành lạc hậu. Đợt sống mới là “cải thiện mục sống thường

ngày” và đó là khẩu hiệu của những người và những quốc gia có nhiều hàng hóa để bán, có nhiều thiện chí khuyến khích và kêu gọi kẻ khác mua. Người thợ may sẽ lấy làm vui thích mà khi thấy các vị tỳ khuru ăn mặc tốt đẹp và đúng thời trang. Không phải vì tâm từ mà ta cứu con chó của ta ra khỏi một cảnh khôn khổ. Chúng ta hẳn không hết lòng giúp đỡ một con rắn độc hay một loại rít nào, có chăng đi nữa là để đưa chúng đi tái sinh trong một cảnh giới khác. Loài chó bảo vệ chúng ta và giữ gìn tài sản của chúng ta. Thế mà lắm khi vì quyền lợi riêng, ta cũng còn giao mạng sống cho những nhà giải phẫu thay!

Người Phật tử muốn kiểm soát giác quan mình. Năm giác quan của ta có những thích thú đòi hỏi chúng ta thỏa mãn. Mắt muốn thấy hình sắc đẹp. Tai muốn nghe âm thanh êm dịu, mũi muốn hửi mùi thơm tho, lưỡi muốn nếm ngon vật lạ, thân muốn có cảm xúc về nhục dục. Từ lâu rồi giác quan ta đòi hỏi được thỏa mãn. Đã lâu rồi giác quan ta được phụng sự đầy đủ và sẽ còn được phụng sự cho đến khi trở thành quá đòi hỏi khó chịu. Cái gì phụng sự giác quan? Chính cái tâm phục vụ giác quan như một người nô lệ phục vụ cùng một lúc năm vị hoàng đế khó tánh. Tâm, một vị chúa tể, đã bị truất phế và chính năm tên quân hầu, năm giác quan, lại soán ngôi. Người Phật tử chúng ta có bốn phận phải phục hồi ngôi báu lại cho Tâm vì Tâm là nguồn lực duy nhất có thể giúp ta vạch con đường. Tâm của người thế gian đã kiệt sức, vì phải luôn phụng sự ngũ quan, không thể có chút thì giờ rảnh để thấy rõ chân tướng sự vật. Đã vậy, lắm khi vị giác lại còn đòi hỏi những thứ rượu mạnh, có nhiều chất say, làm cho tâm mờ ám.

Giới (Sīla) có hiệu lực ổn định tình trạng ấy. Giới lại giúp tâm bình tĩnh để suy luận và hiểu biết thêm. Càng hiểu biết chúng ta càng nhận chân giá trị của giới. “Cũng như ta đã

dùng bàn tay này để rửa sạch bàn tay kia, bàn chân này để rửa sạch bàn chân kia, giới hạnh chân chánh sẽ giúp ta có sự hiểu biết chân chánh và sự hiểu biết chân chánh giúp ta có giới hạnh chân chánh”.

Phần tâm lý học của Phật giáo không đồng quan điểm với lời chỉ trích rằng giới luật nhà Phật là tiêu cực. Trong khi ta cố tránh để khỏi phạm một giới nào, tác ý quan trọng của chấp tư tưởng “quyết định” là kèm chế, hạn định, không làm việc ấy (tiêu cực) tuy nhiên chung quanh chấp tư tưởng ấy có bao nhiêu chấp tư tưởng tích cực thật sự. Như khi ta cố tránh để khỏi phạm giới sát sanh chẳng hạn, chấp tư tưởng chánh của ta là “đừng” không sát sanh. Ta tự kiềm chế. Đó là yếu tố tiêu cực. Nhưng, chung quanh chấp tư tưởng “đừng” ấy có bao nhiêu những chấp tư tưởng tích cực không kém phần quan trọng như tâm từ, tâm bi, lòng quảng đại khoan hồng v.v... Cũng vì lẽ ấy mà người giữ giới sát sanh trong sạch hành thiện về tâm từ và tâm bi dễ dàng hơn. Vậy, khi giữ gìn tròn đủ một giới hạnh (phần tiêu cực) ta cũng trau dồi những đức tánh đối chiếu (phần tích cực). Tuy nhiên, giữ gìn trong sạch giới luật, theo Phật giáo, cũng chưa phải là để trở nên toàn thiện. Người Phật tử chân chánh còn phải luôn cố gắng hành “mười pháp Ba la mật”(paramis), và cố giữ giới mới mong bước chân vào dòng suối của những Ba la mật bố thí, tinh tấn, chân thật, quyết định, từ bi và đi xa trên đường đạo hạnh. Nhớ đâu có người hành Ba la mật bố thí đến mức tự ý hiến thân mạng mình để cứu sống những con cọp đói? Nhớ đâu mà một người bị chặt chân tay, ngã quy trong vũng máu của mình mà còn rã tâm từ đến tên đao phủ và vị vua tàn ác đã truyền lệnh hại mình? Người đã thấu triệt giáo lý của Đức Phật nhận định rằng giáo lý ấy dạy con người thực hành những đức độ cao thượng đến mức cùng tột.

Lại nữa, người chủ trương tán dương những “đức độ tích cực” có thích sống chung với hạng người sát sanh, trộm cắp, hư hèn, láo xược và say sưa không? Hay vẫn muốn sống với những người Phật tử chỉ có những đức tính tiêu cực. Chắc hẳn người ấy muốn sống gần người Phật tử. Tại sao? Vì những người này không làm cho họ lo âu sợ sệt. Nói một cách khác, người Phật tử trong sạch là người bố thí sự an toàn, sự không lo sợ. Sự bố thí ấy là tích cực. Một người Phật tử chân chánh, một người Phật tử có giới hạnh trong sạch, bất hạnh ở nơi nào, luôn luôn ban bố sự an toàn cho những người ở quanh mình (abhaya dāna).

“Trí thức” là sự nghiệp vô cùng lớn lao của người Phật tử. Do đó sự tri túc ta thu hẹp nhu cầu, chặt chẽ kiểm soát giác quan hay vì để đuổi để giác quan phóng túng. Năm giác quan của ta thường phối hợp lại để làm lu mờ ngọn đèn của tâm. Giới có hiệu lực lau chùi, thay dầu và đổi tim, làm cho ngọn đèn tâm thêm tỏ rạng, rọi sáng mọi vật chung quanh.

Tâm là ngọn đèn và giới (sīla) là sự lau chùi.

CĀGA

Lòng quảng đại (cāga) là đức tính thứ ba mà Đức Phật khuyên “cha mẹ Nākula”.

Phạn ngữ “cāga” có nghĩa là dứt bỏ, từ khước, lòng quảng đại, tính hào hiệp.

CĀGA, cùng với SADDHĀ (niềm tin tưởng nơi Tam Bảo), Sīla (giới), paññā (trí tuệ) là bốn phước lành (sampadā) hay là bốn đức tính giúp chúng ta sớm thoát khỏi vòng phiền não, saddhā, sīla, cāga và paññā cũng là bốn đặc tánh của người bạn hiền (kalyāna mitta) sẵn sàng giúp đỡ bằng hữu làm những điều thiện. Đức Phật dạy rằng người có giới hạnh trong sạch (sīla) và đức tin vững chắc nơi tam bảo (saddhā) cũng quảng đại và hào hiệp (cāga) hơn người không giới hạnh.

Người đời thường nghĩ rằng muốn tạo nên sự nghiệp của báu thì phải tom góp và tích trữ. Lý tưởng của người Phật tử thì trái hẳn. “cāga paribbāvita citta”, “tâm có khuynh hướng cho ra” là một trong bảy kho báu cao thượng của bậc thánh nhân.

Saddhā và Sīla là hai kho báu và paññā (trí tuệ) mà chúng ta sẽ có dịp đề cập đến là một kho báu khác.

Chúng sanh luôn luôn bị lửa tham, sân, si thiêu đốt. muốn thành tựu đạo quả Niết Bàn phải dập tắt hoàn toàn ba thứ lửa ấy và muốn dập tắt chỉ có một phương pháp là không dung dưỡng nó (aggi anāhāro), không châm nguyên liệu cháy cho nó.

Chúng ta cũng nên ghi nhớ một lần nữa rằng năm giác quan của con người là nguồn gốc của tất cả những điều bất

hạnh trong thế gian. Chính từ lòng tham không cùng của ngũ quan mà sân hận phát sanh và do đó bao nhiêu cãi vã, tranh chấp và chiến tranh dưới mọi hình thức. Trong kinh Mahā Nidāna Suttanta Đức Thế Tôn dạy:

“Này Ānanda, do Thọ (vedanā) phát sanh ái dục (tanhā), do ái dục phát sanh sự cố gắng chạy theo (pariyesanā), do sự rượt theo phát sanh quyền sở hữu (lābha), do quyền sở hữu một vật phát sanh sự quyết định dùng vật ấy (vinicchayega). Bởi có sự quyết định mới có lòng ham muốn thiết tha (chanda raga). Vì có lòng ham muốn thiết tha nên có sự cố bám giữ vật sở hữu (ajjhosāna). Vì cố bám giữ nên có sự bảo vệ, xây thành đắp lũy (pariggaha); vì cố bảo vệ nên có sự keo kiệt (macchariya); vì keo kiệt nên phải để hết tâm trí vào sự giữ gìn vật sở hữu và vì phải giữ gìn vật sở hữu con người chia rẽ, tranh chấp, gây gỗ, nói xấu lẫn nhau, v.v... và còn làm biết bao nhiêu điều xấu xa tội ác khác”.

Đức Phật lại hỏi: Này Ānanda, nếu không có người nào có một loại ái dục nào, tức là nếu không ai có lòng tham sắc, thanh, hương, vị, xúc pháp thì còn ái dục nữa không? Và nếu không có ái dục thì còn có hình thức ái dục nào nữa không?

Bạch Đức Thế Tôn, không thể có.

Đức Phật hỏi tiếp : “Thọ (vedanā), cảm xúc, sanh ra Ái dục (Tanhā). Nếu không có một người nào có cảm xúc nào tức là nếu không có những cảm xúc phát sanh do sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì sẽ không còn thọ nữa và nếu không có thọ có thể hình thức ái dục nào không?

Bạch Đức Thế Tôn, không thể có.

“Vậy thọ là nguồn gốc của mọi hình thức của ái dục”.

Vì lẽ ấy mà chúng ta phải luôn luôn thận trọng, chăm chú giữ chừng ngũ quan và những sự đòi hỏi của ngũ quan. Khi nghe được những lời kêu gọi khẩn cấp và tha thiết của giác quan ta phải lập tức ghi chú không để cho ái dục phát sanh. Đó là chánh định, yếu tố then chốt trong việc hành thiền, là chìa khóa mở cửa cho ta vào cõi Niết Bàn.

Cāga, tính quảng đại, sự cương quyết rút bỏ là nghịch nghĩa với ái dục. Mỗi người trong chúng ta đều cần phải trau dồi “tâm có khuynh hướng cho ra”. Chúng ta phải tập cho. Cho một cách hồn nhiên và dễ dàng, trước khi lòng tham cố hữu của con người trỗi dậy ngăn cản ta làm một việc thiện. Hãy cho ra mỗi khi ta có cơ hội và cho tức khắc khi nghe lòng thúc dục. Có hai động lực chánh thúc dục lòng ta cho ra, cả hai đều tốt đẹp và cao thượng. Hai động lực ấy là tâm Bi (karunā) và tâm muốn dâng tặng (pūjā). Đó là hai tác ý hoàn toàn trong sạch, không có ẩn ý tham lam (alobhā cetanā). Người cho ra một ít với lòng mong mỗi sẽ được thọ lãnh nhiều hơn chỉ là một người bòn xén vụ lợi. Tâm của người ấy chỉ có khuynh hướng tích trữ, không phải dứt bỏ xa lìa.

Tâm bi là động lực thúc đẩy ta cho ra để giúp đỡ một người đau khổ, đói rách, đang cần đến ta. Tâm muốn dâng tặng (pūjā) dục ta cho ra để dâng cúng đến những người đạo đức, những bậc thầy tổ, thánh nhân. Ở vài xứ Phật giáo có phong tục dâng cơm cúng dường Đức Phật. Nghi thức ấy thường bị hiểu lầm. Ta dâng cúng vật thực trước bàn Phật, biết rằng tượng Phật không ăn được. Đức Phật đã viên tịch, đã trở nên siêu thế thì đâu còn ăn nữa. Mặc dầu thế, lúc sắp sửa lễ vật, tâm ta cũng có những tác ý trong sạch: “Ước chi Đức Phật còn sống ở đây! Ta sẽ vui mừng vô hạn đem lễ vật hèn mọn này dâng lên Ngài. Bất hạnh thay, ta không đặng sanh vào thời quý báu của Ngài. Ngài đã viên tịch... Tuy nhiên hôm nay lòng kính mến Ngài thúc dục ta thành kính

đem món lễ mọn này đến dưới chân pho tượng và xuyên qua pho tượng tâm ta hướng về những ân đức vô thượng của Ngài”. Đó là những chấp tư tưởng trong sạch, những tác ý không tham và cao thượng.

Tính hiếu khách là đặc điểm quan trọng của những dân tộc Phật giáo. Ở một nơi nào ta có thể nghe những câu: “Nó là một người xa lạ, hãy liêng cho nó một cục gạch”- Không khi nào người Phật tử đón tiếp khách phương xa theo lối ấy mặc dù có bị lợi dụng và bị bạc đãi nhiều năm đi nữa.

Lúc nào người Phật tử chân chánh thấy lòng muốn cho ai vật gì thì ui vè và sẵn lòng cho; mở rộng bàn tay ra để cho. Trong ngôn ngữ người Tích Lan có danh từ mittam paccaya có nghĩa là người nấu bếp có độ lượng, biết nấu đầy đủ để đãi khách.

Một tấm lòng cao quý lúc cho ra. Một tấm lòng cao quý khi thọ lãnh. Bao nhiêu câu chuyện thường được nhắc đi lập lại trong kinh sách đã nói lên lòng cao quý lúc cho ra cũng như khi nhận lãnh. Một ngày kia, lúc Đức Phật đi hóa trai, có một thiếu nữ nô lệ, nghèo nàn đói rách muốn dâng đến Ngài một món bánh mì bần hàn mà nàng đã làm ra với bột gạo dư. Nàng nghĩ thầm: “Thường ngày các bậc giàu sang vương giả hằng để bát cúng dường Đức Phật. Ngài đã quen dùng món ăn sang trọng. Vô phúc thay cho ta, ngoài những món bánh nghèo nàn này ta không còn gì khác nữa. Không biết Đức Phật có hạ cố thọ dụng không”. Trước sự vui mừng không sao kể xiết của nàng thiếu nữ nô lệ, Đức Phật ngồi lại bên đường chậm rãi dùng hết món bánh mà nàng vừa dâng.

Một bữa nọ, Đại Đức A la hán Mahā Kassapa đi trì bình, đến trước một người cùi. Tuy lòng lo sợ phạm phòng không biết vị đạo sĩ kia có vui lòng nhận lãnh vật thực của

mình không, người cùi vẫn đánh bạo trút hết vào bát. Rủi thay, một ngón tay của anh cũng rơi theo vào bát của vị A la hán cùng với đồ ăn. Anh lấy làm lo sợ than thầm : “Bất hạnh thay cho ta, chắc vị đạo sĩ không khi nào thọ dụng lễ vật này”. Nhưng với lòng bác ái vô biên vị A la hán cao thượng châm rãi lấy ngón tay của anh cùi để qua một bên và thân nhiên ngồi dùng bữa với những món ăn thô sơ của anh dưng.

Đó là hình ảnh của một nền văn hóa thật sự. Nhân loại ngày nay cố tìm một trật tự mới, một nếp sống mới cho thế gian. Có thể tìm ra được chăng một trật tự mới trong những tấm lòng đầy dẫy thứ độc dược cố hữu của ái dục, sân hận và si mê? Chỉ có một trật tự mới cho nhân loại là mở rộng mắt ra để nhìn thực thể, nhìn chân lý mà Đức Phật đã vạch ra và thành kính thọ lãnh giáo Pháp thâm diệu của Ngài. Giáo Pháp đã đổi hẳn tâm hồn của một vua A Dục, biến Ngài ra vị Hoàng đế trứ danh của nhân loại mà dư âm vẫn còn vang dội đó đây trong lịch sử thế giới.

PAÑÑĀ

Đức tính thứ tư mà Đức Phật dạy “cha mẹ Nakula” là sự trau dồi trí tuệ (paññā). Khi đề cập đến trí tuệ chúng ta có cảm tưởng như đã xa lìa phần giản dị của Phật giáo để sang qua chỗ tinh vi, bí ẩn hơn. Cũng không phải thế. Cho đến người Phật tử vô phúc nhất ngày nay cũng có thể hiểu được rõ ràng thế nào là trí tuệ và làm cách nào để trao dồi đức tính ấy.

Người Phật tử không khi nào bị ép buộc phải làm quá sức mình. Người Phật tử chỉ cố gắng để thấy sự vật cho đúng với thực tướng của nó. Người Phật tử mở mắt nhìn xem thế gian xung quanh mình và ghi nhận rằng tất cả đều là vô thường, mà cái chi vô thường là phiền não. Tất cả thân bằng quyến thuộc của ta đều phải chết và rời bỏ ta một ngày nào. Sự chia lìa của người thân yêu làm cho ta đau khổ. Chính chúng ta đây cũng phải thủ một vai trò trong tấn kịch đời. Khi tóc bạc răng long và bệnh hoạn, tử thần sẽ lù xù xuất hiện trước mặt ta. Tất cả những điều ấy làm cho ta đau khổ. Người Phật tử chúng ta nhận thấy rằng dầu có bám níu trong cảnh vô thường và phiền não của đời cũng chỉ là luống công. Không có cái chi mà ta có thể nói: “đây là tôi, cái này là của tôi, đây là một linh hồn”. Không có cái cho tồn tại trong hai khoảnh khắc kế tiếp.

Ta không nên ghi nhận rằng nếu nhiều người nghĩ rằng thế gian này quả thật là cảnh giới mà họ mong mỏi. Nhiều người tưởng tượng rằng hạnh phúc vẫn phảng phất đâu đây, ở một góc nào, hay có lẽ ở bên cạnh ra mà ta chưa hay biết. Tâm của con người thật là mù lờ và vô kỉ luật. Chúng ta thường từ chối, không chịu chấp nhận một luồng tư tưởng đưa đến những kết luận không thích hợp hoặc chưa từng quen

thuộc với ta. Cũng như thiếu phụ kia khi thấy con lạc đà gắm lần đầu tiên đã vội la: “Tôi nhất định không chịu tin có thật con vật này”. Chúng ta lại dung nạp dễ dàng những luận thuyết thường tình có liên quan đến những quyền lợi vật chất và những tiện nghi nhất thời để chế ngự tự do tư tưởng của chúng ta. Chúng ta khựng bước không dám ứng phó với thực tế - mà ứng phó với thực tế là việc mà chúng ta phải làm cho kỳ được. Đức Phật khuyên ta phải sống theo thực tế. Pháp (Dhamma), giáo lý của Ngài, không phải là những lý thuyết suông. Là bậc Thiên Nhân Sư, Ngài đã thấu triệt tận tường thực tế.

Những gì tốt đẹp nhất cũng phải có một ngày cùng.

Sau khi ấy chỉ còn lại chút hương vị....

Nhưng, hỡi ai mê say hoa hường!

Sau khi hoa tàn,

Chỉ còn lại những mùi chua vị chất.

Kinh Samyutta Nikāya chép rằng mấy mươi năm về sau ông Nakulapitā đã trở thành một cụ già tàn tạ ốm đau và khổ sở (trong kinh có nhắc đến bà Nakulamātā, có lẽ bà đã qua đời), cụ cảm thấy đơn độc và ước mong được gặp Đức Phật:

“Ước sao tôi gặp Đức Phật để nhờ Ngài an ủi và khuyến khích. Đó mới thật là phước lớn và phước ấy tôi sẽ hưởng được lâu dài”.

Rồi một ngày kia, ông Nakulapitā gặp được Đức Phật, Đức Phật dạy:

“Thật vậy, thật vậy, tám thân tiêu tụy này chỉ là vật làm môi cho bệnh tật và chỉ tạo chướng ngại. Kẻ nào tự cho

rằng mình hoàn toàn khỏe mạnh – dù trong chốc lát- là kẻ điên”.

“Vậy con hãy cố gắng công tu tập. Con phải tự nói như thế này: Thân này dù đau ốm, tâm ta phải luôn khỏe mạnh. Con hãy cố gắng tu tập”.

Đức Phật chỉ dạy bảy nhiều lời.

Ông cụ Nakulapita cảm thấy tựa hồ như vừa được uống một liều tiên dược. Ông tỉnh người, thấy lòng thơ thới, đánh lễ Đức Phật và kính cẩn thọ nhận lời dạy.

Trong thế gian đầy phiền não và bệnh hoạn này phải làm thế nào để được có “tâm khỏe mạnh”.

Đức Phật đã dạy.

Đức Phật đã dạy chúng ta phải gieo giống thế nào để gặt hái an vui và hạnh phúc. Mặc dù cánh cửa của cảnh an toàn và hạnh phúc vô thượng chưa mở rộng cho ta ngày hôm nay hay trong tức khắc, chúng ta đã biết cái hướng đi về cảnh ấy. Đức Phật muốn cho ta thấy sự vật một cách rõ ràng – thấy sự vật cho đúng với thực tế - chớ không phải thấy sự vật như ta tưởng tượng hoặc ước mong sự vật là vậy. Đức Phật muốn chúng ta khách thể hóa thể xác, giác quan, cảm giác, tri giác, cho đến tâm: Mỗi mỗi đều phải khách quan thâm nhận sự vật.

Nếu chịu cố gắng quan sát tận tường giáo lý của Đức Phật có ngày chúng ta sẽ khám phá ra chân lý và thấy rằng trong vũ trụ này không có chi là trường tồn, không có chi có thể tạo cho ta hạnh phúc trường cửu.

Lâu ngày ta sẽ thấy rõ ràng trong vũ trụ này không có chi đáng cho ta bám víu. Trái lại, tất cả đều đáng cho ta kinh sợ và ghê tởm. Chừng ấy ta mau mau vứt bỏ tất cả và trong

khi vút bỏ - chính ngay lúc ấy – ta nhoáng thấy cái gì siêu thế
- trường tồn và hạnh phúc tuyệt đối.

Chúng ta gọi là NIẾT BÀN, mục tiêu cứu cánh của
người Phật tử.